

Bản án số: 126/2018/HSST

Ngày 07 - 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Giàu và bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí , tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 117/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 124/QĐXXST-HS ngày 23/8/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đại Đ**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 04/01/1993 tại thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 1, khu 7, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức H và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, đã từng chung sống như vợ chồng với chị Lý Thị Thanh T, sinh năm 1999; hiện trú tại: Phường VD, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Văn H; sinh năm: 1996; địa chỉ: tổ 17B, khu 5A, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm: 1985; địa chỉ: tổ 1, khu 6, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Chị Trần Hoài N, sinh năm: 1981; địa chỉ: tổ 17B, khu 5B, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26/3/2018, Trần Đại Đ đến nhà bạn là anh Phạm Văn H (sinh năm 1996; trú tại tổ 17B, khu 5A, phường QT, thành phố UB)

chơi và ngủ lại. Đ và anh H ngủ cùng giường tại phòng ngủ của anh H. Trước khi đi ngủ, anh H có cắm sạc 02 chiếc điện thoại di động của anh H gồm: 01 chiếc nhãn hiệu Oppo R8, màu trắng, trong lắp sim số 0971.561.390 và 01 chiếc nhãn hiệu Nokia K60 màu đen, trong lắp sim số 01659.534.628 ở đầu giường. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27/3/2018, anh H thức dậy trước và đi ra suối gần nhà làm cát. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, anh H quay về nhà, vào giường ngủ tiếp. Lúc này, Đ đã thức dậy và đi loanh quanh trong nhà. Thấy anh H ngủ say, nhìn thấy 02 chiếc điện thoại của anh H đang sạc để ở đầu giường, Đ nảy sinh ý định trộm cắp 02 chiếc điện thoại trên. Đ lấy 02 chiếc điện thoại cho vào túi quần rồi sau đó kiểm tra thấy 02 sim ở 02 chiếc điện thoại hết tiền nên tháo sim vứt đi và đi ra khu vực ngã ba cổng chùa BV đi xe ôm đến cửa hàng điện thoại “QP” của anh Trần Ngọc Đ (sinh năm 1985) ở tổ 1, khu 6, phường TS, thành phố UB, bán 02 chiếc điện thoại trên cho anh Đ được 500.000 đồng (*bán chiếc điện thoại Oppo được 400.000 đồng và bán chiếc điện thoại Nokia được 100.000 đồng*). Số tiền trên Đ mang đi ăn tiêu cá nhân hết. Khoảng 09 giờ cùng ngày, anh H thức dậy và phát hiện mất 02 chiếc điện thoại di động trên.

Ngày 05/4/2018, do anh H nghi Đ là người đã lấy trộm 02 chiếc điện thoại của mình nên đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an thành phố UB.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34, ngày 15/5/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố UB kết luận: 01 chiếc điện thoại Oppo R8 có giá trị là 2.700.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Nokia K60 có giá trị là 320.000 đồng. Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại là **3.020.000 đồng** (*Ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng*).

Qua xác minh, Đ vắng mặt tại địa phương. Đến ngày 28/5/2018, Đ được triệu tập đến Cơ quan điều tra làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đối với 02 sim số lắp trong 02 chiếc điện thoại Đ trộm cắp của anh H, Đ đã tháo ra vứt đi.

Đối với chiếc điện thoại Nokia, anh Đ đã bán cho một người không quen biết với giá 250.000đ; Còn chiếc điện thoại Oppo, sau khi được thông báo, anh Đ đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Ngày 04/7/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H. Còn chiếc điện thoại Nokia đến nay không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Đ đã tác động cùng gia đình bồi thường cho anh H chiếc điện thoại Nokia cùng 02 chiếc sim số tiền 3.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 122/CT-VKSUB ngày 30/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Trần Đại Đ, về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Đại Đ từ 06 đến 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Phạm Văn H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Đ; Người làm chứng chị Trần Hoài N, có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/3/2018, tại gia đình anh Phạm Văn H ở tổ 17B, khu 5A, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, Trần Đại Đ lợi dụng lúc anh H ngủ say, đã có hành vi lén lút trộm cắp một chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo R8 có giá trị là 2.700.000 đồng và một chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia K60 có giá trị là 320.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là **3.020.000 đồng** (*Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*). Sau đó Đ mang đi bán được 500.000 đồng và ăn tiêu hết.

Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuy biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính lười lao động, muốn biến tài sản của người khác thành tài sản của mình qua con đường bất hợp pháp nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của anh Phạm Văn H để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “**Trộm cắp tài sản**” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội

và bị coi là tội phạm bởi nó xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, khiến tình hình trật tự trị an xã hội phức tạp, cho nên đề tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, khắc phục hậu quả. Do đó, cần xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định; không có thu nhập, nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đoàn đã tác động cùng gia đình bồi thường cho bị hại anh H chiếc điện thoại Nokia cùng 02 chiếc sim số tiền 3.000.000 đồng; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không đề cập xử lý.

[5] Đối với anh Trần Ngọc Đ đã mua điện thoại của Đ, nhưng không biết là điện thoại Đ trộm cắp, nên không đề cập xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với toàn bộ số vật chứng, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo: **Trần Đại Đ** phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.
2. Xử phạt: Bị cáo **Trần Đại Đ 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.
3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Đại Đ phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
4. Quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng

mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ
- VKSND TP.Ưông Bí;
- Công an TP.Ưông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.Ưông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định